TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2023
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Tài

Ông Lê Thanh Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1976; HKTT: Tổ 15, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số D, L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 15, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện xin ly hôn ngày 23-02-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Bà và ông Lê Văn Đ quá trình tự tìm hiểu nhau nên bà và ông Đ tự đi đến hôn nhân vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 25-04-2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống hạnh phúc tại khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang nhưng khoảng từ năm 2000, bà và ông Đ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình, mặc dù

bà đã cố gắng hàn gắn, nhưng không thành, bà và ông Đ ly thân từ đó tháng 01-2018 cho đến. Nay nhận thấy bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng ông Đ, bà X xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con chung Lê Thị Thùy T, sinh ngày 19-7-1992; Lê Thị O, sinh ngày 21-6-1995; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 03-7-1999. Hiện nay các con của bà đã trưởng thành và sống tự lập được bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Đ Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đ để tham gia tố tụng nhưng ông Đ vắng mặt không rỏ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của ông Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do, nên không thể tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ; không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Đ Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đ để tham gia tố tụng nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ những vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Qua thời gian tìm hiểu nhau giữa bà X và ông Đ đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B vào ngày 25-4-2001 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng được một thời gian phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Đ nhậu về kiếm chuyện đánh đập bà X, đuổi ba Xê ra khỏi nhà và hiện không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn với ông Đ. Mặc khác, từ khi thụ lý cho đến nay ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 18-5-2023 vợ chồng ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân về kinh tế.

Về con chung: Có 03 con chung Lê Thị Thùy T, sinh ngày 19-7-1992; Lê Thị O, sinh ngày 21-6-1995; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 03-7-1999. Hiện nay các con của bà đã trưởng thành và sống tự lập được bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những chứng cứ trên xét thấy bà X xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn Đ cư trú Tổ 15, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Chau K.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25-04-2001 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa bà và ông Đ sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc vợ chồng được một thời gian và phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính bà X cho rằng ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà đuổi bà ra khỏi nhà, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Đ không hạnh phúc, do quá nhiều mâu thuẫn nên không thể chung sống vợ chồng, bà và ông Đ đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn Đ, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông Đ theo quy định của pháp luật để ông Đ được trình bày ý kiến, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và ông Đ có có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà X. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Lê Văn Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 18-5-2023 tại ban K1, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang xác định tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay bà X

và ông Đ không còn chung sống vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Các con của bà X và ông Đ hiện đã trưởng thành và sống tự lập được. Ông Đ vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Cùng ngày 18-5-2023 Tòa án có tiền hành xác minh ghi nhận ý kiến của người thân tại địa phương cũng xác định hiện nữa giữa ông Đ và bà X không còn chung sống vợ chồng, vợ chồng có thường xuyên cải vã.

Theo biên bản xác minh ngày 18-5-2023 tại Công an thị trấn B xác định ông Lê Văn Đ vẫn còn thường xuyên sinh sống tại Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình. Tuy nhiên giữa bà X và ông Đ không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa bà X và ông Đ không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, cả hai không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông Đ rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà X về việc yêu cầu ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 03 con chung Lê Thị Thùy T, sinh ngày 19-7-1992; Lê Thị O, sinh ngày 21-6-1995; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 03-7-1999. Hiện nay các con đã trưởng thành và sống tự lập được, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà X là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0009913 ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Nữ Ngọc L